

THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN QUANG TUẤN *

Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển (NC và PT) là một chủ đề lớn, được quan tâm đặc biệt ở nhiều nước trên thế giới. Thông qua phân tích một số giải pháp thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT ở một số nước trên thế giới và đánh giá hiện trạng thương mại hóa kết quả NC và PT ở Việt Nam, bài viết này đề xuất một số giải pháp thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT ở nước ta.

Thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT ở một số nước trên thế giới

Thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT đang là trọng tâm của các chính sách kinh tế tại nhiều quốc gia trên thế giới. Ví dụ, để thúc đẩy chuyển giao kết quả NC và PT từ trường đại học vào doanh nghiệp, năm 1980, Chính phủ Mỹ đã ban hành Luật Bayh-Dole. Từ khi đạo luật này ra đời, các trường đại học của Mỹ đã đẩy mạnh việc hình thành các tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ nhằm thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của mình. Theo các nhà nghiên cứu, cứ 1USD đầu tư vào tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ, trường đại học nhận được trên 6 USD thu nhập từ các dịch vụ chuyển giao công nghệ. Hiện nay đã có hơn 200 trường đại học của Mỹ hình thành các tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ trong trường.

Thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT cũng đang được chú trọng ở nhiều nước châu Á. Đầu năm 2000, Chính phủ Hàn Quốc ban hành Luật Thúc đẩy chuyển giao công nghệ nhằm đẩy mạnh việc thương mại hóa công nghệ được tạo ra từ các tổ chức NC và PT công lập. Thông qua các

biện pháp miễn, giảm thuế, hỗ trợ tài chính, Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ thành lập các tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ như Trung tâm Chuyển giao công nghệ quốc gia, các văn phòng chuyển giao công nghệ trong các tổ chức NC và PT công lập.

Để thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT, Chính phủ Ma-lai-xi-a đã xây dựng Chương trình hỗ trợ thương mại hóa các kết quả NC và PT. Chương trình tài trợ một phần kinh phí thúc đẩy thương mại hóa các kết quả NC và PT trong nước.

Chính phủ Trung Quốc cũng thực hiện những biện pháp mạnh để thúc đẩy tiến trình thương mại hóa kết quả NC và PT. Trung Quốc đã tiến hành một số biện pháp cải cách hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ (KH và CN). Hiện nay, nhiều viện nghiên cứu truyền thống buộc phải chuyển sang hoạt động theo cơ chế của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Chính phủ Trung Quốc cũng dành một khoản ngân sách đáng kể để khuyến khích và hỗ trợ các viện nghiên cứu tiến hành thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của mình và đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ cho các sáng chế.

* TS, Bộ Khoa học và Công nghệ

Chính sách của chính phủ các nước đã góp phần quan trọng gia tăng tốc độ giao dịch mua bán công nghệ (bao gồm kết quả NC và PT). Ở một số nước như Trung Quốc, Hàn Quốc và Ma-lai-xi-a, tăng trưởng về giao dịch mua bán công nghệ đang diễn ra với tốc độ cao. Đặc biệt, giao dịch mua bán công nghệ trên thị trường Trung Quốc trong hơn 20 năm trở lại đây liên tục tăng trưởng, trên 2 lần so với tăng trưởng GDP. So với các nước công nghiệp phát triển như Mỹ, ở các nước đang phát triển như Trung Quốc, Ma-lai-xi-a và nước công nghiệp mới như Hàn Quốc, sự can thiệp của nhà nước trong việc thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT mạnh hơn.

Hiện trạng thương mại hóa kết quả NC và PT ở nước ta

Thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT được bao hàm trong một chủ trương lớn của Đảng về phát triển thị trường công nghệ. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã khẳng định, *phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phân lớn các sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển) trở thành hàng hóa.*

Thực hiện chủ trương trên của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 214/2005/QĐ-TTg, ngày 30-8-2005, phê duyệt đề án phát triển thị trường công nghệ. Sau Quyết định trên, Chính phủ đã tiến hành soạn thảo và trình Quốc hội thông qua nhiều văn bản pháp luật như Luật Sở hữu trí tuệ 2005, Luật Chuyển giao công nghệ 2006 và một số luật khác. Hệ thống luật và các văn bản hướng dẫn luật do Nhà nước ban hành đã tạo khung khổ pháp lý cho phát triển thị trường công nghệ nói chung và cho thương mại hóa kết quả NC và PT nói riêng.

Để góp phần thúc đẩy thương mại hóa các kết quả NC và PT, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 115/2005/NĐ-CP quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Nghị định số 80/2007/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Các chính sách này đã có những tác động tích cực nhất định đối với việc thúc đẩy thương mại hóa các kết quả NC và PT ở nước ta. Một số viện NC và PT đã thành công trong chuyển sang hoạt động theo cơ

chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Trên thực tế, các viện nghiên cứu lớn như Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (IMI), Viện KH và CN giao thông vận tải, Viện Hóa học công nghiệp, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Công nghệ sinh học, Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long và một số viện nghiên cứu khác có tỷ lệ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn cao. Việc thương mại hóa kết quả NC và PT của những viện nghiên cứu này sẽ không đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết phải giải quyết.

Tuy nhiên, việc chuyển giao các kết quả NC và PT từ các tổ chức KH và CN vào doanh nghiệp còn rất hạn chế. Theo kết quả của một cuộc điều tra về thị trường công nghệ, trên 50% số doanh nghiệp trả lời có quá ít các tổ chức KH và CN trong nước cung cấp công nghệ cho thị trường và nếu có thì thường chỉ là các công nghệ nhỏ lẻ, ít tạo thành các dây chuyền công nghệ đồng bộ, đủ sức tạo ra sản phẩm hàng hóa cạnh tranh với nước ngoài. Theo đánh giá của các cơ quan quản lý, các tổ chức KH và CN trong nước thường nghiên cứu tiếp nhận những thành tựu KH và CN của thế giới và vận dụng vào Việt Nam, ít công trình sáng tạo. Ngay cả những đề tài nghiên cứu có thể áp dụng vào thực tiễn, số kết quả nghiên cứu thỏa mãn các điều kiện cấp bằng bảo hộ trí tuệ không nhiều.

Một số nguyên nhân của sự hạn chế

Thứ nhất, thương mại hóa kết quả NC và PT là một quá trình lâu dài và còn là một vấn đề mới ở nước ta. Ngay tại các nước công nghiệp phát triển, thương mại hóa kết quả NC và PT cũng mất nhiều thời gian. Theo các nhà nghiên cứu, trung bình thương mại hóa thành công một sáng chế mất 7 - 12 năm để nhận được lợi nhuận từ sáng chế đó. Do thương mại hóa các kết quả NC và PT ở nước ta còn là vấn đề mới, việc xây dựng và triển khai chính sách thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT còn lúng túng. Đây cũng là một nguyên nhân khiến cho việc triển khai Quyết định số 214/2005/QĐ-TTg còn chưa đạt được kết quả như mong đợi.

Thứ hai, thành công của việc thương mại hóa các kết quả NC và PT phụ thuộc nhiều vào năng lực đổi mới, năng lực tiếp thu và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp. Trong khi đó, năng lực công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam không cao, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta sử dụng

công nghệ lạc hậu từ 3 - 4 thế hệ. Do năng lực đổi mới công nghệ thấp, các doanh nghiệp Việt Nam tiếp nhận công nghệ chủ yếu ở dạng thiết bị, máy móc và dây truyền công nghệ toàn bộ. Việc tiếp nhận công nghệ ở dạng các pa-tăng, li-xăng và bí quyết công nghệ rất hạn chế. Đây chính là một nguyên nhân trọng yếu dẫn đến hạn chế trong việc thương mại hóa kết quả NC và PT.

Thứ ba, năng lực sáng tạo của các tổ chức KH và CN ở nước ta nhìn chung chưa cao. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học chưa thực sự bắt nguồn từ nhu cầu của doanh nghiệp, từ những đòi hỏi bức xúc của thực tiễn. Ngoài ra, cơ chế, chính sách về đầu tư và tài chính cho KH và CN chưa thực sự thúc đẩy năng lực sáng tạo của các tổ chức và cá nhân. Tổng đầu tư cho KH và CN ở nước ta hiện nay vào khoảng 0,5% GDP, thấp hơn nhiều so với một số nước trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a. Chi cho NC và PT chiếm tỷ lệ khoảng 35% - 40% tổng chi cho KH và CN và dàn trải ra tất cả các bộ, ngành và địa phương, chưa tập trung cho một số lĩnh vực công nghệ trọng điểm để thúc đẩy sự phát triển của thị trường công nghệ.

Thứ tư, hệ thống các tổ chức trung gian tư vấn, môi giới công nghệ nói chung và kết quả NC và PT nói riêng còn chưa phát triển. Các sản phẩm NC và PT là những hàng hóa đặc biệt, khác biệt lớn so với các hàng hóa phổ dụng. Hàng hóa phổ dụng thường có số lượng người mua và người bán lớn, trong khi đó không phải lúc nào cũng có thể tìm được thị trường cho các kết quả NC và PT. Vì vậy, việc xác định giá cả cho kết quả NC và PT bằng cơ chế thị trường gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, kết quả NC và PT phần lớn là tài sản vô hình, với một thị trường công nghệ còn chưa phát triển như ở nước ta, cần có những tổ chức hỗ trợ việc định giá các tài sản vô hình đó.

Giải pháp thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT

Một là, hiện nay Nhà nước đã có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho KH và CN, thể hiện trong một số văn bản như Nghị định số 119/1999/NĐ-CP của Chính phủ về một số cơ chế và chính sách tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ... Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế

hàng năm để lập quỹ phát triển KH và CN. Nhưng quy định này cũng chưa thực sự hấp dẫn doanh nghiệp. Vì vậy, cần sớm hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào KH và CN. Việc hoàn thiện cơ chế, chính sách này sẽ góp phần tạo ra nhu cầu lớn hơn cho các kết quả NC và PT.

Hai là, hình thành và phát triển các trung tâm ươm tạo và doanh nghiệp KH và CN là một giải pháp quan trọng thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT. Việc hình thành và phát triển hệ thống doanh nghiệp KH và CN sẽ có tác động đi đầu trong đổi mới công nghệ và tiếp nhận những sáng chế từ các trường đại học và viện nghiên cứu. Nghị định số 80/2007/NĐ-CP của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và ưu đãi cho việc hình thành và phát triển doanh nghiệp KH và CN. Để Nghị định này được triển khai có hiệu quả trong cuộc sống, cần có các cơ chế, chính sách giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân; có cơ chế về định giá tài sản trí tuệ và góp vốn bằng tài sản trí tuệ vào doanh nghiệp.

Ba là, cần hoàn thiện và tích cực thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH và CN. Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định về việc chuyển đổi cơ chế hoạt động của các tổ chức KH và CN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cơ chế hoạt động của doanh nghiệp. Mặc dù trong thời gian qua, quá trình triển khai Nghị định còn gặp nhiều khó khăn, song việc tiếp tục triển khai cơ chế, chính sách này của Nhà nước là cần thiết. Đây cũng là một xu thế phát triển KH và CN đang diễn ra trên thế giới.

Bốn là, Nhà nước cần khuyến khích và hỗ trợ các trường đại học và các viện nghiên cứu hình thành và phát triển các tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ như văn phòng chuyển giao công nghệ, văn phòng dịch vụ chuyển giao công nghệ. Theo các nhà nghiên cứu, các tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ có vai trò quan trọng trong thúc đẩy thương mại hóa kết quả NC và PT của các trường đại học và viện nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc đào tạo đội ngũ phục vụ cho phát triển thị trường công nghệ nói chung và thương mại hóa kết quả NC và PT nói riêng là một công việc cần sớm được tiến hành ở Việt Nam. □